ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 111 /QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 01 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển chế biến lâm sản tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2020, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Luật Đất đai năm 2003; Luật bảo vệ môi trường năm 2004; Luật Xây dựng năm 2003 và các Nghị định hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Hà Tĩnh giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến 2020;

Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau khi thống nhất với các sở, ngành, địa phương liên quan) tại Tờ trình số 4422/TTr-SNN ngày 30/11/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch phát triển chế biến lâm sản tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2020, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm, định hướng phát triển.

- Tái cấu trúc công nghiệp chế biến lâm sản của tỉnh đảm bảo hiệu quả, bền vững, phát triển theo quy hoạch với sự kiểm soát của Nhà nước, góp phần quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững;

- Phát triển chế biến lâm sản theo hướng sản xuất lớn, tạo chuỗi giá trị khép kín, trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng về lâm nghiệp của tỉnh; đồng thời phải bảo vệ môi trường và xác định đây là nghành nghề kinh doanh có điều kiện;

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chuyển hướng vào chế biến tinh, sâu với các sản phẩm: Bột giấy, ván dăm, ván ghép thanh, MDF, đồ gỗ nội thất, đồ gỗ xuất khẩu... từ nguyên liệu gỗ rừng trồng; nhanh chóng chấm dứt chế biến xuất khẩu dăm gỗ.

- Lấy thị trường làm mục tiêu, sản xuất phải gắn với thị trường, nguồn nguyên liệu và nguồn lực sẵn có của từng vùng nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng tại chỗ, phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu;

- Phát triển vùng nguyên liệu phải gắn với chế biến tinh, sâu. Các tổ chức thuê đất để trồng rừng nguyên liệu phải có phương án chế biến sâu, hoặc phương án liên kết, tiêu thụ sản phẩm phục vụ chế biến sâu;

- Phát triển chế biến lâm sản phải gắn với phát triển các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và nguồn nhân lực được đào tạo.

II. Mục tiêu phát triển.

1. Mục tiêu chung.

Đẩy mạnh phát triển chế biến lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, tổ chức lại, bố trí hợp lý, khoa học hệ thống các cơ sở chế biến gắn với vùng, nguồn nguyên liệu ổn định. Chấm dứt việc cấp giấy chứng nhận đầu tư về chế biến dăm gỗ; nhanh chóng chuyển hướng từ chế biến thô sang tinh, sâu, sử dụng nguyên liệu từ rừng trồng, đưa công nghiệp chế biến lâm sản trở thành mũi nhọn kinh tế của ngành và đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể.

2.1. Đến năm 2020:

- Giá trị sản xuất chế biến lâm sản toàn tỉnh đạt khoảng 4.000 tỷ đồng, sản phẩm sản xuất đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Tốc độ tăng trưởng bình quân 12,5%/năm;

- Giá trị xuất khẩu đạt 70 triệu USD;

- Giải quyết việc làm cho khoảng 6.700 lao động, thu nhập bình quân đạt 5 - 6 triệu đồng/tháng;

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về kinh doanh và chế biến lâm sản; chấm dứt tình trạng chế biến, tiêu thụ lâm sản trái phép;

- Các sản phẩm chế biến lâm sản đạt tiêu chuẩn trong nước và quốc tế;

- Đảm bảo vệ sinh môi trường theo luật định.

2.2. Định hướng đến 2030:

Tiếp tục củng cố các thành tựu đã đạt được của giai đoạn 2012-2020 đảm bảo phát triển ngành chế biến lâm sản của tỉnh bền vững, thân thiện môi trường. Xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu gỗ và lâm sản ngoài gỗ ổn định gắn với công nghiệp chế biến để hình thành các cụm công nghiệp chế biến lâm

sản, ứng dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa, hóa lâm sản, phù hợp với tiềm năng và thị trường. Đẩy mạnh chế biến đồ mộc, đồ gỗ cao cấp, gỗ ghép, ván sàn, bàn ghế, các sản phẩm hoàn thiện bằng gỗ... và phát triển các làng nghề nông thôn, chú ý chế biến lâm sản ngoài gỗ.

III. Phương án quy hoạch.

1. Tiêu chí quy hoạch.

Các cơ sở chế biến lâm sản ở Hà Tĩnh được phép hoạt động sản xuất kinh doanh khi đạt các tiêu chí sau:

- Địa điểm đặt nhà máy, cơ sở chế biến phải phù hợp với các quy hoạch khác liên quan và phải cách ranh giới rừng tự nhiên tối thiểu là 3km;

- Đảm bảo có nguồn nguyên liệu ổn định, nguồn gốc hợp pháp;

- Có phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với công suất thiết kế, cơ cấu sản phẩm, nguồn nguyên liệu và sản lượng sản phẩm sản xuất;

- Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường;

- Các cơ sở quy hoạch mới phải sử dụng công nghệ hiện đại, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao;

- Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chế biến gỗ;

- Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (trong đó có ngành nghề kinh doanh chế biến lâm sản).

2. Quy hoạch chế biến gỗ.

Tổ chức sắp xếp, củng cố lại các cơ sở hiện có, chỉ để lại các cơ sở đảm bảo tiêu chí hoặc cam kết sẽ đảm bảo các tiêu chí trong vòng 6 tháng kể từ ngày được kiểm tra. Kêu gọi, khuyến khích đầu tư xây dựng mới các cơ sở sản xuất với công nghệ hiện đại, tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao theo chuỗi khép kín. Hình thành các khu chế biến gỗ tập trung tại các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Đến năm 2020 toàn tỉnh quy hoạch khoảng 365 cơ sở chế biến gỗ (trong đó có 63 cơ sở quy hoạch mới), với tổng công suất 801.160m^3 nguyên liệu/năm, sản phẩm sản xuất dự kiến 577.780m^3/năm, thu hút khoảng 6.700 lao động. Đình chỉ hoạt động, tháo dỡ các cơ sở không đảm bảo tiêu chí, không đủ điều kiện kinh doanh chế biến lâm sản (dự kiến khoảng 275 cơ sở).

Định hướng sản phẩm, sản lượng sản xuất

TT	Sản phẩm	Sản lượng (m^3/năm)	
		Giai đoạn 2012-2015	Giai đoạn 2016-2020
1	Gỗ xẻ các loại	27.630	27.630
2	Hàng mộc dân dụng	22.080	22.080
3	Ván nhân tạo	55.350	80.200
4	Bột giấy	0	268.670
5	Hàng mộc tinh chế	126.700	179.200
6	Dăm gỗ	345.000	0
	Tổng	**576.760**	**577.780**

Định hướng nguồn nguyên liệu cung cấp

TT	Nguồn nguyên liệu cung cấp	Giai đoạn 2012-2020 (m^3/năm)
I	***Nguồn nguyên liệu cung cấp trong tỉnh***	***720.000***
1	Khai thác từ rừng tự nhiên	10.000
2	Khai thác từ rừng trồng	700.000
3	Khai thác từ gỗ vườn	10.000
II	***Nguồn cung cấp nguyên liệu ngoài tỉnh***	***23.000***
III	***Nguồn nhập khẩu***	***58.160***
	Tổng	**801.160**

Cụ thể phương án quy hoạch theo từng nhóm sản phẩm như sau:

2.1. Cơ sở cưa xẻ.

Giảm tối đa các cơ sở cưa xẻ hiện có, quy hoạch đến năm 2020 toàn tỉnh có khoảng 174 cơ sở (huyện Vũ Quang 10 cơ sở, Đức Thọ 17 cơ sở, Can Lộc 13 cơ sở, Thạch Hà 9 cơ sở, TP Hà Tĩnh 2 cơ sở, Cẩm Xuyên 11 cơ sở, Lộc Hà 6 cơ sở, Nghi Xuân 8 cơ sở, Hương Sơn 34 cơ sở, Hương Khê 43 cơ sở và Kỳ Anh 21 cơ sở) với tổng công suất dự kiến 44.210 m^3 nguyên liệu/năm, sản phẩm sản xuất dự kiến 27.630 m^3/năm, thu hút khoảng 1.180 lao động (trong đó tiếp tục duy trì, củng cố 173 cơ sở hiện có và quy hoạch bổ sung một cơ sở tại xã Cẩm Lĩnh, huyện Cẩm Xuyên). Kiểm tra, soát xét, đình chỉ hoạt động, tháo dỡ các cơ sở xẻ không đảm bảo điều kiện kinh doanh, không đảm bảo tiêu chí (khoảng 236 cơ sở).

Các cơ sở cưa xẻ không thuộc diện đình chỉ, tháo dỡ thì trước mắt vẫn giữ nguyên vị trí đã có, từ năm 2013 các địa phương phải có kế hoạch từng bước chuyển dần các cơ sở cưa xẻ thuộc hộ gia đình, cá nhân vào các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch nông thôn mới của các xã. Riêng đối với các cơ sở thuộc doanh nghiệp đã được cấp, thuê đất, có nhà xưởng tương đối cố định trở lên, sản xuất ổn định và không gây ô nhiễm môi trường thì giữ nguyên vị trí đã có.

Tiếp tục sử dụng công nghệ hiện có, từng bước áp dụng công nghệ, dây chuyền sản xuất tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm và đảm bảo môi trường.

2.2. Cơ sở chế biến dăm gỗ.

Không xây dựng mới, hạn chế dần việc sản xuất của 04 nhà máy dăm gỗ xuất khẩu (huyện Nghi Xuân 1 cơ sở và Kỳ Anh 3 cơ sở) với tổng công suất dự kiến 380.000m^3 nguyên liệu/năm, sản phẩm sản xuất dự kiến 345.000m^3/năm, thu hút khoảng 370 lao động và kết thúc vào năm 2015. Kiểm tra lại giấy chứng nhận đầu tư, soát xét, đình chỉ các cơ sở sản xuất dăm gỗ không phù hợp quy hoạch, không đảm bảo tiêu chí theo quy định. Từ năm 2015 trở đi, tỉnh sẽ chấm dứt xuất khẩu dăm mảnh, do đó các doanh nghiệp, nhà máy cần có kế hoạch chuyển hướng sản xuất, điều chỉnh công suất phù hợp, liên kết vào chuỗi sản xuất của các nhà máy MDF, hoặc chấm dứt hoạt động nếu không hiệu quả.

2.3. Cơ sở chế biến bột giấy.

Quy hoạch mới 2 cơ sở chế biến bột giấy, 1 nhà máy ở Khu công nghiệp Vũng Áng - Kỳ Anh và 1 Nhà máy trên tuyến đường Hồ chí Minh. Tổng công suất dự kiến 403.000m^3 nguyên liệu/năm, sản phẩm sản xuất dự kiến 268.670m^3/năm, thu hút khoảng 1.000 lao động. Các nhà máy này được đầu tư xây dựng sau năm 2015, khi không còn xuất khẩu dăm mảnh thô.

Ưu tiên lựa chọn các công nghệ, thiết bị tiên tiến của các nước châu âu với công suất thiết bị đủ lớn, không ô nhiễm môi trường để đầu tư xây dựng.

2.4. Cơ sở chế biến ván bóc, ván ép, ván sàn, ghép thanh.

Không quy hoạch, xây dựng mới, tiếp tục duy trì 11 nhà máy hiện có (không mở rộng thêm; huyện Đức Thọ 3 cơ sở, thị xã Hồng Lĩnh 1 cơ sở, Nghi Xuân 2 cơ sở, Hương Sơn 1 cơ sở và Hương Khê 4 cơ sở) với tổng công suất dự kiến 13.700m^3 nguyên liệu/năm, sản phẩm sản xuất dự kiến 5.200m^3/năm, thu hút khoảng 380 lao động. Sau năm 2015 các cơ sở ván bóc, ván ép, ván sàn, ghép thanh cần có kế hoạch chuyển hướng sản xuất để kết nối, tham gia vào chuỗi sản xuất của các cơ sở lớn.

Tiếp tục sử dụng công nghệ hiện có, cần có kế hoạch đổi mới công nghệ để tham gia vào chuỗi sản xuất của các cơ sở lớn.

2.5. Cơ sở chế biến ván MDF.

Nhanh chóng kêu gọi, xúc tiến, ưu đãi đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ván MDF gắn với cơ sở sản xuất đồ mộc cao cấp, tạo chuỗi sản xuất khép kín từ nguyên liệu rừng trồng đến đồ gỗ cao cấp và tiêu thụ. Đây là động lực chủ yếu để chuyển nhanh chế biến thô sang tinh, sâu, nên ngay từ đầu năm 2013 phải quan tâm để ra đời nhà máy MDF. Quy hoạch mới 1 nhà máy trên tuyến đường Hồ chí Minh và 1 nhà máy ở Khu kinh tế Vũng Áng, huyện Kỳ Anh với tổng công suất dự kiến 150.000m^3 nguyên liệu/năm, sản phẩm sản xuất dự kiến 75.000m^3/năm, thu hút khoảng 750 lao động.

Ưu tiên lựa chọn các công nghệ, thiết bị tiên tiến của các nước châu âu, với công suất thiết bị đủ lớn, không ô nhiễm môi trường để đầu tư xây dựng.

2.6. Mộc dân dụng, văn phòng, đồ gỗ nội thất và gia công các sản phẩm từ gỗ

Tiếp tục duy trì, củng cố 114 cơ sở hiện có, quy hoạch mới thêm 57 cơ sở (huyện Cẩm Xuyên 1 cơ sở, huyện Hương Khê 2 cơ sở, huyện Can Lộc 3 cơ sở, Hương Sơn 51 cơ sở), đưa tổng số lên 171 cơ sở (huyện Vũ Quang 7 cơ sở, Đức Thọ 14 cơ sở, Can Lộc 9 cơ sở, Thạch Hà 4 cơ sở, TP Hà Tĩnh 4 cơ sở, Cẩm Xuyên 6 cơ sở, Lộc Hà 8 cơ sở, Nghi Xuân 10 cơ sở, Hương Sơn 69 cơ sở, Hương Khê 14 cơ sở và Kỳ Anh 26 cơ sở) với tổng công suất dự kiến 33.250m^3 nguyên liệu/năm, sản phẩm sản xuất dự kiến 22.080m^3/năm, thu hút khoảng 1.500 lao động. Kiểm tra, soát xét, đình chỉ hoạt động, tháo dỡ các cơ sở mộc không đảm bảo điều kiện kinh doanh, không đảm bảo tiêu chí (khoảng 38 cơ sở).

Các cơ sở mộc cần nhanh chóng đổi mới công nghệ, quan tâm thiết kế, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất

khẩu. Trước mắt tiếp tục giữ nguyên vị trí hiện nay, từ năm 2013 các địa phương có kế hoạch từng bước chuyển dần các cơ sở mộc thuộc hộ gia đình, cá nhân vào các khu tiểu thủ công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch nông thôn mới của các xã để đảm bảo đầu tư đồng bộ và bảo vệ môi trường; riêng đối với các cơ sở thuộc doanh nghiệp đã được cấp, thuê đất, có nhà xưởng tương đối cố định trở lên, sản xuất ổn định và không gây ô nhiễm môi trường thì giữ nguyên vị trí đã có. Thực hiện kiểm soát tốt nguyên liệu đầu vào của các cơ sở, quan tâm ưu tiên gỗ nguyên liệu trong tỉnh cung ứng cho các cơ sở.

2.7. Cơ sở chế biến tổng hợp.

Xây dựng 1 nhà máy chế biến gỗ tổng hợp tại khu kinh tế Vũng Áng, huyện Kỳ Anh với công suất dự kiến 180.000m^3/năm, sản phẩm sản xuất dự kiến 126.700m^3 /năm, thu hút khoảng 1.500 lao động. Sản phẩm gồm: Gỗ ghép, ván sàn, bàn ghế và các sản phẩm hoàn thiện bằng gỗ.

Ưu tiên công nghệ, thiết bị tiên tiến của các nước phát triển với công suất thiết bị đủ lớn, không ô nhiễm môi trường để đầu tư xây dựng.

2.8. Làng nghề mộc gia dụng và mỹ nghệ

Tiếp tục duy trì, củng cố, hỗ trợ phát triển 06 làng nghề hiện có gồm: Cụm làng nghề truyền thống Thái Yên, xã Thái Yên, huyện Đức Thọ; cụm làng nghề truyền thống Trường Sơn, xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ; làng Vinh Thành, xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ; làng Yên Lộc, xã Yên Lộc, huyện Can Lộc; làng Bình Sơn, Thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê và làng Thượng Long, xã Sơn Long, huyện Hương Sơn. Quan tâm công tác truyền nghề dạy nghề, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả, hạn chế ô nhiễm môi trường. Tiếp tục nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã, đẩy mạnh sản xuất mộc mỹ nghệ với độ tinh xảo cao. Có kế hoạch cân đối nguồn nguyên liệu để cung ứng cho các làng nghề đảm bảo hoạt động.

3. Quy hoạch chế biến lâm sản ngoài gỗ.

3.1. Cơ sở chế biến nhựa thông.

Tiếp tục duy trì, củng cố, đầu tư đổi mới công nghệ cơ sở chế biến của Công ty CP Hà Vinh để tạo ra những sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao như Colophan, sau colophan, các chế phẩm sau tinh dầu thông. Phấn đấu giá trị xuất khẩu đạt 6 triệu USD/năm, giải quyết việc làm cho 50 lao động.

3.2. Cơ sở chiết xuất, chưng cất các loại tinh dầu Dó trầm.

Sau khi có kết quả sản xuất, thử nghiệm chưng cất tinh dầu và tìm hiểu các công nghệ tiên tiến trên thế giới về chưng cất tinh dầu trầm hương để lựa chọn công nghệ tối ưu, tiến tới có biện pháp liên doanh, liên kết hoặc mua bản quyền công nghệ để đầu tư xây dựng nhà máy chưng cất tinh dầu trầm tại huyện Hương Khê. Khi thị trường tinh dầu trầm phát triển thì xem xét mở thêm 3 cơ sở chế biến, chưng cất tại Kỳ Anh, Hương Sơn và Vũ Quang.

IV. Các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch.

1. Về quản lý quy hoạch.

- Tổ chức công bố, tuyên truyền rộng rãi Quy hoạch để chính quyền địa phương các cấp, nhân dân, các tổ chức và các doanh nghiệp... nắm rõ, tạo đồng thuận cao trong quá trình thực hiện.

- Trên cơ sở Quy hoạch được phê duyệt, trong năm 2013 hoàn thành việc tổ chức kiểm tra, đình chỉ, tháo dỡ các cơ sở không còn phù hợp, không đảm bảo tiêu chí.

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về chế biến lâm sản của tỉnh nhằm theo dõi, quản lý đảm bảo hoạt động đúng với các quy định hiện hành.

- Thu hồi các giấy phép kinh doanh không còn phù hợp quy hoạch; soát xét cấp lại giấy phép kinh doanh cho các cơ sở đủ điều kiện kinh doanh chế biến gỗ.

- Bố trí sắp xếp lại các cơ sở và cấp phép mới các cơ sở chế biến lâm sản phải trên cơ sở quy hoạch được duyệt, chấm dứt tình trạng phát triển các cơ sở chế biến không theo quy hoạch.

- Các cơ quan chuyên môn, UBND các huyện, thành phố, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ của mình xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch. Quá trình chỉ đạo thực hiện quy hoạch cần kiểm tra, giám sát, đánh giá kịp thời, phản ánh, đề xuất bổ sung điều chỉnh những điểm bất hợp lý nhằm đạt được mục tiêu mà quy hoạch đề ra.

2. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện có và xem xét ban hành các chính sách khuyến khích phát triển chế biến lâm sản

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện hành của Trung ương và của tỉnh như: Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 30/5/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh dịch vụ xuất khẩu trên địa bàn Hà Tĩnh; Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 09/8/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 11/3/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về một số chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư trên địa bàn Hà Tĩnh; Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về ban hành quy định tạm thời một số quy định về hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất, từ nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Xem xét xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích đẩy mạnh phát triển chế biến lâm sản như: Khuyến khích vay vốn đổi mới công nghệ; hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với các cơ sở phải đình chỉ, tháo dỡ; hỗ trợ di dời vị trí vào các khu công

nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; hỗ trợ, khuyến khích đầu tư chế biến sâu, liên kết với nông dân trồng rừng nguyên liệu; miễn, giảm thuế; khoanh, giãn nợ; giảm lãi suất vay; ưu tiên cung ứng nguyên liệu cho các làng nghề; hỗ trợ đào tạo nghề...

3. Tăng cường quản lý, kiểm tra, kiểm soát hoạt động chế biến lâm sản; ngăn chặn, xử lý các hành vi chế biến lâm sản trái phép.

Các ngành, các cấp, các cơ quan chuyên môn theo chức năng nhiệm vụ của mình cần tăng cường quản lý, kiểm tra hoạt động chế biến lâm sản, trong đó chú trọng kiểm tra về điều kiện được phép kinh doanh chế biến gỗ và kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu lâm sản đầu vào của các cơ sở chế biến.

Lực lượng kiểm lâm quản lý chặt chẽ, duy trì kiểm tra thường xuyên, đột xuất các cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản, đặc biệt là kiểm tra nguồn nguyên liệu đầu vào; phối hợp với các cơ quan chức năng trong kiểm soát lưu thông lâm sản trên địa bàn, đảm bảo lâm sản đưa vào chế biến, lưu thông phải có nguồn gốc hợp pháp; quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản; tăng cường kiểm tra, kiểm soát các hoạt động vận chuyển, buôn bán lâm sản, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi vi phạm.

4. Bảo đảm nguồn nguyên liệu cho chế biến lâm sản ổn định, bền vững.

- Quy hoạch các vùng rừng sản xuất nguyên liệu gỗ để khai thác tối đa tiềm năng về lâm nghiệp của tỉnh. Tổ chức trồng rừng, kinh doanh đảm bảo bền vững, thiết lập hệ thống kiểm soát, quản lý để đảm bảo được cấp chứng chỉ rừng, nhằm gia tăng giá trị xuất khẩu sản phẩm gỗ.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển rừng sản xuất theo Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 09/8/2011 của UBND tỉnh. Tạo cơ chế thông thoáng, môi trường đầu tư thuận lợi, chính sách ưu đãi nhằm thu hút các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong tỉnh, trong nước và nước ngoài xây dựng các dự án đầu tư chiều sâu vào sản xuất kinh doanh tổng hợp theo hướng bền vững, lâu dài, tạo chuỗi khép kín từ sản xuất nguyên liệu đến sản phẩm tiêu dùng, xuất khẩu và đảm bảo đúng quy hoạch. Đặc biệt quan tâm làm giàu rừng tự nhiên bằng việc trồng cây bản địa gỗ lớn, trồng cây lâm sản phi gỗ dưới tán rừng, trồng rừng thâm canh tạo thành vùng nguyên liệu tập trung phục vụ các nhà máy chế biến có công nghệ tiên tiến, chế biến sâu, tạo giá trị gia tăng cao và các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để nhập khẩu nguyên liệu từ Lào, Myanma, Indonesia, Malaysia... và thu mua gỗ ở các tỉnh để đáp ứng nguyên liệu sản xuất.

- Ưu tiên bán nguyên liệu cho các cơ sở chế biến lâm sản có nhu cầu sản xuất trong tỉnh. Có chính sách hợp lý nhằm thu hút nguồn nguyên liệu từ ngoài tỉnh, ngoài nước nhập về nhằm bù đắp phần thiếu hụt tại chỗ.

- Các nhà máy chế biến cần hợp đồng ổn định với các đơn vị, cá nhân trồng rừng nguyên liệu theo tinh thần Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng và thực hiện cơ chế phân chia lợi nhuận để thiết lập mối quan hệ bền vững giữa 4 nhà, đặc biệt là giữa nông dân và các nhà máy chế biến. Khuyến khích người sản xuất nguyên liệu góp vốn (hoặc đóng góp cổ phần) với nhà máy. Đồng thời các nhà máy chế biến cũng phải có đề án xây dựng vùng nguyên liệu, xây dựng cơ sở hạ tầng của vùng nguyên liệu. Quy mô và tính chất của vùng nguyên liệu phải phù hợp với quy mô và tính chất của nhà máy chế biến.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất.

- Ưu tiên đầu tư ngân sách cho nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ mới, máy móc thiết bị hiện đại, ít ô nhiễm môi trường vào sản xuất; tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu để nhanh chóng tiếp cận và chuyển giao các công nghệ mới.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ, dây chuyền sản xuất tiên tiến của các nước phát triển với công suất thiết bị đủ lớn; ưu tiên công nghệ sản xuất gỗ rừng trồng, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm vào sản xuất như; Công nghệ xẻ, sấy, ván nhân tạo, mộc và thiết kế sản phẩm, trang sức vật liệu gỗ, hóa lâm sản.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh... nhằm cung cấp kịp thời những biến động của thị trường, giá cả cho các cơ sở chế biến lâm sản.

- Hỗ trợ tập huấn về công nghệ thông tin, xây dựng và áp dụng chứng chỉ FSC, COC, ISO…

6. Tăng cường đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

- Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để đào tạo tại chỗ, gắn đào tạo với sử dụng lao động để nâng cao tay nghề cho công nhân và cán bộ kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ thiết kế theo hướng chuyên sâu để phục vụ định hướng sản xuất các mặt hàng chất lượng cao; các lớp tập huấn về quản lý, kỹ thuật, trang trí mẫu mã, phương pháp tiếp cận thị trường cho các cơ sở chế biến lâm sản. Ưu tiên đầu tư để đào tạo đội ngũ lao động có tay nghề cao nhằm tạo ra sự biến đổi về chất.

- Khuyến khích các cơ sở chế biến lâm sản mở lớp đào tạo nghề cho lao động địa phương và các vùng lân cận (theo Thông tư số 113/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính), Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 19/01/2006 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn.

- Thu hút nghệ nhân giỏi ở trong tỉnh và các địa phương trong cả nước tham gia truyền nghề, đào tạo nghề theo hình thức chìa khóa trao tay cho lực lượng lao động trẻ.

- Lồng ghép hỗ trợ tăng cường đào tạo tay nghề công nhân chế biến gỗ. Thường xuyên tổ chức tham quan trong và ngoài nước để học tập kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh, tiếp cận thị trường, công nghệ mới.

7. Giải pháp về môi trường.

- Tăng cường quản lý môi trường từ khâu lập dự án đầu tư và thường xuyên theo dõi, kiểm tra giám sát thực hiện việc bảo vệ môi trường theo luật định, tiến tới phải nộp lệ phí bảo vệ môi trường hoặc đánh thuế gây ô nhiễm môi trường. Khi xét cấp giấy phép hoạt động cho các cơ sở chế biến hoặc thẩm định dự án, cơ quan có thẩm quyền cần phải tuân thủ đúng các quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích các cơ sở chế biến gỗ đang hoạt động di dời, đầu tư vào Khu, Cụm công nghiệp theo quy hoạch. Ban hành các quy định chặt chẽ về quản lý môi trường trong công nghiệp chế biến gỗ.

8. Quan tâm phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Tích cực khai thác thị trường truyền thống, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, hướng mạnh xuất khẩu sản phẩm cao cấp. Nâng cao chất lượng sản phẩm, gia tăng sản phẩm có hàm lượng chất xám, tay nghề cao, thường xuyên nghiên cứu cải tiến mẫu mã, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Đầu tư nhiều hơn nữa cho việc thành lập các trung tâm giới thiệu sản phẩm, cơ quan nghiên cứu, dự báo thị trường. Tạo mối quan hệ tốt hơn giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, cung cấp thông tin, hỗ trợ nắm bắt cơ hội đầu tư, tiếp thị hay tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ khuyến khích các cơ sở tìm đối tác xuất khẩu trực tiếp sản phẩm của mình;

- Các doanh nghiệp cần chủ động nắm bắt cơ hội, tìm kiếm thị trường, có chiến lược maketting cụ thể. Đăng ký thương hiệu, kiểu dáng mẫu mã, chất lượng để chiếm lĩnh thị trường và tạo lòng tin khách hàng.

- Thành lập hiệp hội gỗ và lâm sản của tỉnh nhằm tăng cường liên kết, xúc tiến đầu tư, tìm kiếm thị trường, bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp, khắc phục cạnh tranh thiếu lành mạnh...

- Tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị chuyên đề để tạo điều kiện tiếp xúc giữa cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, doanh nhân, các nhà nghiên cứu, quản lý... để trao đổi tìm hiểu nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

9. Giải pháp huy động vốn đầu tư.

- Cần ưu tiên cho các cơ sở được vay vốn từ các quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ xúc tiến việc làm, ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng phát triển, quỹ hỗ trợ khoa học công nghệ với lãi suất ưu đãi, thời gian vay trung hạn và dài hạn theo chu kỳ đầu tư, tinh giản thủ thục cho vay;

- Chủ động kêu gọi các dự án liên doanh, liên kết đầu tư trồng rừng gắn với chế biến Lâm sản;

- Kêu gọi và huy động nguồn lực từ nhiều thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào chế biến lâm sản.

V. Vốn đầu tư.

1. Nhu cầu vốn đầu tư.

Tổng vốn đầu tư đến năm 2020: 887,5 tỷ đồng, trong đó:

- Phân theo tiến độ:

+ Giai đoạn 2012-2015: 433,0 tỷ đồng;
+ Giai đoạn 2016-2020: 454,5 tỷ đồng.

- Phân theo nguồn vốn:

+ Vốn ngân sách: 51,1 tỷ đồng, chiếm 5,76 %;
+ Vốn vay tín dụng: 527,2 tỷ đồng, chiếm 59,4 %;
+ Vốn tự có của các cơ sở: 309,2 tỷ đồng, chiếm 34,84%.

2. Nguồn vốn đầu tư.

Vốn thực hiện quy hoạch được huy động từ nhiều nguồn: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã), lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tài trợ của các tổ chức quốc tế, vốn của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế và vay tín dụng.

- Vốn ngân sách đầu tư cho thực hiện chính sách, công tác quy hoạch, xây dựng các đề án, tổ chức các hội thảo, các đoàn công tác, công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chế biến lâm sản.

- Vốn của các thành phần kinh tế và vốn vay từ các tổ chức tín dụng đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, công nghệ, xây dựng nhà xưởng và các điều kiện bảo đảm an toàn, kỹ thuật trong hoạt động chế biến lâm sản.

VI. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã công bố rộng rãi quy hoạch; lập kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch theo quy định.

- Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra giám sát việc thực hiện quy hoạch; xây dựng kế hoạch hoạt động; phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan rà soát, xây dựng chính sách phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan và các địa phương trong tỉnh thực hiện tốt phương án quy hoạch, chú trọng việc phát triển và quy hoạch vùng nguyên liệu; tăng cường kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác, vận chuyển, chế biến, lưu thông lâm sản trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra, chỉ đạo, giám sát chính quyền địa phương đình chỉ hoạt động và tổ chức tháo dỡ các cơ sở chế biến là doanh nghiệp nhưng không phù hợp quy hoạch, không đảm bảo tiêu chí; hoàn thành trong năm 2013.

2. Các sở ngành liên quan.

- Sở Công thương: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện quy hoạch; hỗ trợ tìm kiếm thị trường, dự báo thị trường trong và ngoài nước. Hướng dẫn, khuyến cáo các cơ sở sản xuất ra những mặt hàng, những sản phẩm hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Đồng thời hình thành Trung tâm giới thiệu sản phẩm, đưa vào mạng điện tử giới thiệu sản phẩm. Tăng cường công tác khuyến công, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh phát triển chế biến lâm sản của tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ vào quy hoạch được phê duyệt, tính toán cân đối, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch có hiệu quả; kiểm tra, rà soát, thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các cơ sở chế biến không phù hợp quy hoạch đảm bảo chặt chẽ, theo đúng quy định; kiểm tra kỹ trước khi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cấp phép đầu tư, giấy phép kinh doanh cho các doanh nghiệp đảm bảo thực hiện nghiêm theo quy hoạch được duyệt và các điều kiện khác theo quy định hiện hành.

- Sở Tài chính: Đảm bảo nguồn kinh phí ngân sách, tham mưu cơ chế chính sách tài chính khác để thực hiện Quy hoạch có hiệu quả; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chính sách khuyến khích phát triển chế biến lâm sản.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn chuyển đổi đất, giao đất, cho thuê đất cho các cơ sở chế biến; quản lý nhà nước về môi trường, hướng dẫn, xử lý các vấn đề môi trường phát sinh trong hoạt động chế biến lâm sản.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Hướng dẫn các cơ sở chế biến lâm sản nghiên cứu ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ và chuyển giao công nghệ mới. Hỗ trợ kinh phí cho các đề tài nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực chế biến lâm sản.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh về các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, kỹ thuật. Tạo nguồn nhân lực để cung cấp cho các cơ sở chế biến lâm sản.

- Các Ngân hàng thương mại và Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển có nhiệm vụ tạo điều kiện thuận lợi nhất vừa đảm bảo nguyên tắc hoạt động của ngành vừa có cơ chế phù hợp để đáp ứng nguồn vốn vay phục vụ sản xuất một cách kịp thời, đúng luật định.

- Đề nghị UBMTTQ tỉnh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Hà Tĩnh và các cơ quan liên quan phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan tuyên truyền, vận động các tổ chức, người kinh doanh chế biến lâm sản thực hiện tốt Quy hoạch.

- Các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy hoạch đảm bảo có hiệu quả.

3. Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

- Tổ chức quản lý quy hoạch chặt chẽ, đảm bảo có hiệu quả, đúng quy định.

- Căn cứ Quy hoạch đã được phê duyệt để xây dựng kế hoạch phát triển, quản lý các cơ sở chế biến lâm sản ở địa phương mình; xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án thực hiện Quy hoạch.

- Soát xét, kiểm tra, đình chỉ hoạt động của các cơ sở chế biến là doanh nghiệp trên địa bàn (sau khi cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) và các cơ sở chế biến không phải là doanh nghiệp trên địa bàn không phù hợp quy hoạch, không đảm bảo tiêu chí, tự ý xây dựng sai quy hoạch; trực tiếp yêu cầu, chỉ đạo các tổ chức, cá nhân tự tháo dỡ; nếu các tổ chức, cá nhân không chấp hành thì áp dụng các biện pháp cưỡng chế tháo dỡ theo đúng quy định đảm bảo chặt chẽ, không để xảy ra sai sót tiêu cực; hoàn thành trong năm 2013.

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép kinh doanh đảm bảo quy hoạch được duyệt.

4. Các doanh nghiệp chế biến.

- Chấp hành nghiêm túc quy hoạch được phê duyệt và các quy định hiện hành trong lĩnh vực chế biến lâm sản.

- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có các cơ sở chế biến gỗ không phù hợp với quy hoạch, không đảm bảo tiêu chí phải tự tháo dỡ kịp thời, hoàn thành trong năm 2013; nếu không thực hiện thì cơ quan chức năng sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế tháo dỡ và doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đó phải chịu kinh phí cho công tác tháo dỡ.

- Có kế hoạch đẩy mạnh phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm phù hợp thị trường và theo định hướng chung của tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Lao động - Thương binh và xã hội, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT; (để b/c)
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; (để b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT, các đoàn thể cấp tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PT-TH tỉnh;
- Các Phó VP/UBND tỉnh;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu VT, TH, NL.

Gửi VB giấy và ĐT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đình Sơn